TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Số 79, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 79, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng chị H và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị H và anh T tìm hiểu một thời gian thì đi đến hôn nhân, hôn nhân của được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chị H, anh T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng chị H, anh Tphát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống

vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn chị H, anh Tnhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị H, anh Tsống ly thân từ năm 2022 đến nay, khi sống ly thân thì anh chị không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay chị Hnhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hyêu cầu không công nhận chị Hvà anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chị H, anh Tcó 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Diễn T (nữ, sinh ngày 10-11-2002). Hiện nay cháu T đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định nên chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H tự khai, không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Anh Tthống nhất với lời trình bày của chị Hvề thời gian chung sống, anh Tvà chị H chung sống với nhau vào năm 2001, chỉ tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như lời trình bày chị H, khi mâu thuẫn anh T và chị H nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị H yêu cầu không nhận giữa chị H và anh T là vợ chồng thì anh T đồng ý.

Về con chung thì trong thời gian anh Tchung sống với chị Hcó 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thị Diễn T (nữ, sinh ngày 10-11-2002), hiện nay cháu Thanh đã đủ 18 (mười tám) tuổi, có công việc làm ổn định đủ nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất lời trình bày của chị Hkhông có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Trần Thị H nộp qua dịch vụ Bưu điện đến Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và bị đơn anh Nguyễn Hoàng T cư trú tại Số 79, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo chị H, anh Ttrình bày do bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn chị H, anh Tnhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị H, anh Tsống ly thân từ năm 2022 đến nay, khi chị H, anh Tsống ly thân anh chị không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay chị Trần Thị H yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

Xét thấy, chị Trần Thị H, anh Nguyễn Hoàng T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2001 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".* Nên việc chị Trần Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị Hvà anh Tlà vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Nguyễn Hoàng T tự khai có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Diễn Thanh (nữ, sinh ngày 10-11-2002), hiện nay cháu Thanh đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Nguyễn Hoàng T tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự

và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T tự khai có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Diễn Thanh (nữ, sinh ngày 10-11-2002). Hiện nay đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có công việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng T tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0003514, ngày 09 tháng 01 năm 2023 nguyên đơn chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng